TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-PT
Ngày 13-7-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa*:** Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị H sinh năm 1973 (Có mặt) và anh Lưu Việt C sinh năm 1969 (Vắng mặt) ; cùng địa chỉ: Tổ 12, phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày có cho bị đơn là vợ chồng anh chị Đỗ Thị H, Lưu Việt C vay các khoản

sau:

- Tại Giấy vay tiền đề ngày 01-7-2021, vợ chồng anh chị H C đã thống nhất chốt nợ vay của chị M cả gốc và lãi là 185.000.000đồng; lãi suất của số tiền nợ gốc là 1,5%/tháng. Trong đó, nợ gốc là 169.000.000đồng (Bao gồm ngày 22/8/2019 vay 110.000.000đồng, ngày 04/11/2019 vay 40.000.000đồng, ngày 27/6/2020 vay 19.000.000đồng) và tiền lãi tính đến ngày 01-7-2021 là 16.000.000 đồng.

- Tại Giấy vay tiền đề ngày 02-7-2021, chị M cho anh chị H C vay số tiền 100.000.000đồng, không ghi lãi suất.

- Tại Giấy vay tiền đề ngày 10-9-2021, chị M cho anh chị H C vay là 220.000.000đồng, không ghi lãi suất. Tính đến 12-6-2022, anh chị H C mới thanh toán được 22.555.000đồng, được trừ vào số tiền vay 220.000.000 đồng của ngày 10-9-2021.

Tổng số tiền bị đơn anh chị Đỗ Thị H, Lưu Việt C còn nợ nguyên đơn chị Nguyễn Thị M là: 466.445.000 đồng nợ gốc (169.000.000đ + 100.000.000đ + 220.000.000đ - 22.555.000đ) và 16.000.000 đồng tiền lãi.

Nguyên đơn chị M khởi kiện yêu cầu anh chị H C có nghĩa vụ thanh toán: Tổng số tiền nợ gốc là 466.445.000đồng, tiền lãi chưa thanh toán đến ngày 01-7-2021 là 16.000.000đồng và tiền lãi của số tiền 169.000.000đồng theo thỏa thuận là 1,5%/tháng, tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử là 20 tháng 30 ngày. Chị M yêu cầu anh chị H C thanh toán một lần và không yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận kể từ sau ngày xét xử đến khi chị có đơn yêu cầu, nếu anh chị H C không trả hết số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng kể từ ngày chị làm đơn yêu cầu thi hành án.

Tại bản tự khai của chị H và anh C trình bày: Chị H thừa nhận vợ chồng có vay của chị M các lần là ngày 22-8-2019 vay 110.000.000đồng, ngày 4-11-2019 vay 40.000.000đồng, ngày 27-6-2020 vay 19.000.000đồng tổng 3 khoản vay là 169.000.000đồng tính lãi 1,5%/tháng chốt nợ vào ngày 01-7-2021. Ngày 02-7-2021 vay 100.000.000đồng và ngày 10-9-2021 vay 220.000.000đồng vay không lãi. Gia đình chị H đã thanh toán được 22.555.000đồng tính vào tiền gốc của số tiền vay ngày 10-9-2021. Chị H chấp nhận sẽ thanh toán cho chị M số tiền 169 triệu đồng với lãi suất 1,5% và số tiền lãi từ trước là 16 triệu đồng. Đối với hai khoản vay ngày 02-7-2021 và 10-9-2021 chỉ trả gốc không đồng ý trả lãi và xin trả dần dần.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền vay là 535.575.000đồng (*Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bẩy lăm ngàn đồng*), trong đó gốc là 466.445.000đồng *(Bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* lãi là 69.130.000đồng (*Sáu mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C phải liên đới chịu 25.423.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị M không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.356.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001249 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NL.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật

Ngày 21-4-2023, bị đơn chị Đỗ Thị H kháng cáo không nhất trí với việc Tòa án sơ thẩm giải quyết vắng mặt chị liên quan đến khoản vay nợ giữa chị và chị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Đỗ Thị H cho rằng trong quá trình giải quyết sơ thẩm, Tòa án không thông báo cho chị ngày, giờ xét xử nên chị không tham gia phiên tòa; việc Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt chị là không khách quan, không đúng pháp luật. Mặt khác, chị H cho rằng một mình chị vay nợ không liên quan đến chồng là anh Lưu Việt C, nên trách nhiệm trả nợ là của riêng chị H. Bị đơn xác định là sẽ có trách nhiệm trả nợ, nhưng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hoàn cảnh gia đình chị hiện nay không có khả năng thanh toán một lần, mà xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị H, giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, xem xét tại phiên tòa, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm đối với vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các bên đương sự đều thừa nhận có xác lập thỏa thuận vay tiền và có tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm để xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Xét kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị H cho rằng trong quá trình giải quyết sơ thẩm, Tòa án không thông báo cho chị ngày, giờ xét xử nên chị không tham gia phiên tòa; việc Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt chị là không khách quan, không đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã thông báo cho đương sự trong vụ án được biết và gửi giấy triệu tập yêu cầu bị đơn đến Tòa án trình bày ý kiến, nhưng bị đơn đã vắng mặt không có lý do. Tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện bị đơn có biết được sự việc khởi kiện tại Tòa án, anh C có đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn về nhà. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần 1) anh C và chị H đã gửi bản tự khai đến Tòa án thể hiện ý kiến về các khoản vay của vợ chồng anh đối với chị M. Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 175, 177,179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên xét xử sơ thẩm lần thứ nhất anh C vắng mặt, chị H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại các phiên tòa sơ thẩm mở lại, anh C và chị H đều vắng mặt mà không có lý do. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét nội dung các quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất các khoản vay nợ, cụ thể như sau:

Tổng số tiền nợ gốc mà bị đơn anh chị Đỗ Thị H, Lưu Việt C vay của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M là: 466.445.000 đồng.

Tiền lãi trước ngày 01-7-2021 là: 16.000.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 169.000.000đồng theo thỏa thuận là 1,5%/tháng, tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 20 tháng 30 ngày, được tính như sau: 169.000.000đồng x 1,5%/tháng x 20 tháng 30 ngày = 53.130.000đồng (làm tròn).

Do đó, bản án sơ thẩm buộc các đồng bị đơn chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C phải liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị M tổng số tiền là 535.575.000đồng (466.445.000đồng + 16.000.000đồng + 53.130.000đồng) là đúng quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Bị đơn Nguyễn Thị H cho rằng việc vay nợ không liên quan đến chồng là anh Lưu Việt C, nên trách nhiệm trả nợ là của riêng chị H.

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình vay nợ thì anh C ký tên cùng chị H trong các Giấy vay tiền ngày 22-8-2019 và ngày 10-9-2021. Tại bản tự khai của chị H và anh C ngày 21-2-2023 đều ghi "Liên quan đến các khoản vay tiền của vợ chồng tôi và bà Nguyễn Thị M" và cũng đã thừa nhận các khoản vay nợ đối với chị M. Mặt khác, các khoản vay của anh C và chị H đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được coi là nợ chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định trách nhiệm liên đới của vợ chồng chị H và anh C đối với nghĩa vụ trả nợ cho chị M là đúng theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với đề nghị của bị đơn chị Đỗ Thị H cho rằng vợ chồng chị hiện nay không có khả năng thanh toán một lần, mà trả dần cho đến khi hết nợ, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị M không chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy, tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ như sau: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn", vì vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận phương án trả nợ dần của bị đơn là đúng pháp luật. Tuy nhiên, các đương sự có quyền thỏa thuận phương thức trả nợ trong quá trình thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái như sau:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. Buộc bị đơn chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền 535.575.000đ (Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bẩy lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H và anh Lưu Việt C phải liên đới chịu 25.423.000đ (Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị M không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.356.000đ (Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001249 ngày 17-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NL.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2022/0000777 ngày 28-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NL. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND Tx NL;
- Chi cục THADS Tx NL;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu: HCTP; Hsơ vụ án (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng